

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST

Ngày 29/11/2019

V/v “Tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất vô hiệu và
chia thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Cư
2. Bà Bùi Thị Cẩm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Hòa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Phương– Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST- DS, ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và chia thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** + Bà Lương Thị L1, sinh năm 1967. Có mặt

Địa chỉ: thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Lương Thị X, sinh năm 1968. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bà X: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1965 là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2019).

Cùng địa chỉ: 101/50^B25 đường T, p 14, q 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Trương Nguyễn Lan N, luật sư Văn phòng luật sư Q thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt
Địa chỉ: số 301 T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Chị Lương Nữ Quỳnh A, sinh năm 1993. Có mặt
Địa chỉ: t4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lương Thị L2, sinh năm 1932. Có mặt

Địa chỉ: t4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L2: bà Hồng Thị T2, trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

+ Chị Lương Như H1, sinh năm 1994.

+ Chị Lương Thị Mỹ H2, sinh năm 1996. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị N1, sinh năm 1966. Có mặt

+ Anh Nguyễn Tăng T2, sinh năm 1979. Vắng mặt

+ Chị Võ Thị M1, sinh năm 1981. Vắng mặt

+ Nguyên Hồng V, sinh năm 2004. Vắng mặt

+ Nguyễn Tăng Anh K, sinh năm 2007. Vắng mặt

+ Nguyễn Tăng T3, sinh năm 2012. Vắng mặt

Có anh Nguyễn Tăng T2 và chị Võ Thị M1 là cha mẹ- là người giám hộ cho cháu Vân, cháu K, cháu T3. Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Chí C. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: t 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ- Ông Nguyễn Viết M2, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trụ sở: t 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lương Thị L1, ông Trần Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị X trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 diện tích 662,4m² là của cha mẹ các bà là cụ Lương Văn G, sinh năm 1923 và bà Lương Thị L2 tạo lập từ năm 1960; trên thửa đất này cha mẹ các bà đã xây dựng nhà ở từ năm 1960; cha mẹ các bà sinh được 3 người con gồm: 1. Lương Tấn H (chết năm 2014) có vợ tên Trần Thị N, có con Lương Nữ Huỳnh A, Lương Như H1 và Lương Thị Mỹ H2; 2. Bà Lương

Thị L1; 3. Bà Lương Thị X. Năm 1979, cụ G chết không để lại di chúc. Sau khi cha bà qua đời mẹ bà quản lý, sử dụng diện tích nhà, đất nêu trên. Quá trình sử dụng kê khai cụ L2 đăng ký cấp giấy chứng nhận đứng tên hộ mẹ bà vào ngày 15/11/2004. Năm 2006 mẹ bà chuyển nhượng diện tích đất 132,6m² nằm về phía Tây thửa đất cho ông Nguyễn Chí C, nên diện tích đất còn lại 529,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12. Số tiền bán đất, mẹ bà dùng xây dựng 01 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 150m² nằm về phía Đông mảnh vườn để ở như hiện nay. Năm 1990 bà Lương Thị L1 lập gia đình ở xã P, huyện Đ; năm 1995 bà Lương Thị X lập gia đình về ở xã P, huyện Đ. Tuy nhiên, các bà vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc bà L2. Năm 2008 ông C chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Tăng T2 và ông T2 đã làm nhà ở cho đến nay. Năm 2017 mẹ bà báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ bà với diện tích 529,8m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ. Sau đó, các bà được biết ngày 26/3/2018, mẹ bà cùng các cháu Lương Như H1, Lương Thị Mỹ H2 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tặng cho toàn bộ thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 diện tích 529,8m² cho Lương Nữ Huỳnh A được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 69, quyển số 01/2018-SCT/HĐ,GD, ngày 26/03/2018 và được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận vào trang biến động. Việc bà L2 tự ý tặng cho toàn bộ di sản của cha các bà cho cho Lương Nữ Huỳnh A khi không có ý kiến của các bà là trái pháp luật. Nay các bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị L2, Lương Như H1, Lương Thị Mỹ H2 cho Lương Nữ Quỳnh A vô hiệu đối với phần di sản của cụ Lương Văn G. Phần tài sản của bà L2 được quyền định đoạt đã lập Hợp đồng tặng cho cháu Lương Nữ Huỳnh A trên đất có ngôi nhà cấp 4 vẫn có hiệu lực pháp luật.

Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, diện tích đo thực tế là 647,84m² là tài sản chung của cha mẹ bà, việc mẹ bà chuyển nhượng cho ông Nguyễn Chí C diện tích đo đạc thực tế 124,32m², sau đó ông C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tăng T2 là phần diện tích đất tài sản của mẹ bà, bà không có tranh chấp với ông C, ông T2; diện tích đất bà L2 còn lại sau khi trừ diện tích đất thực tế chuyển nhượng cho ông C là 199,60m². Như vậy diện tích đất là di sản của cha bà theo đo đạc thực tế là 323,9m² chia cho các đồng thừa kế gồm bà Lương Thị L2, Lương Thị X, bà Lương Thị L1, phần ông Lương Tấn H được chia bà cho vợ và các con ông H. Bà X, bà L1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cha bà và nhận phần di sản bằng hiện vật có chiều ngang là 6,0m dài hết đất, liền kề với phần diện tích mẹ các bà đã bán cho ông T2 tương đương diện tích 144.54 m²; kỷ phần các bà được chia nhập thành một thửa.

Buộc bà L2, bà N, chị A, chị H1, chị H2 phải tháo dỡ phần mái hiên của nhà tạm trên kỹ phần được chia giao kỹ phần cho các bà và các bà đồng ý hỗ trợ 3.000.000 đồng tiền tháo dỡ mái hiên nhà tạm cho bà L2.

Bà X, bà L1 không tranh chấp ngôi nhà cấp 4, tài sản và cây cối trên đất cũng như diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tăng T2. Bà X, bà L1 đồng ý tính công sức tôn tạo, giữ gìn di sản cho bà L2 trả bằng tiền. Bà X, bà L1 yêu cầu chị A phải thanh toán lại cho bà X, bà L1 6.000.000 đồng tiền chi phí tổ tụng xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Lương Nữ Quỳnh A trình bày:* Chị công nhận nguồn gốc đất, cũng như quá trình sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 như nguyên đơn trình bày. Khi lập Hợp đồng tặng cho bà Nội của chị là bà Lương Thị L2 minh mẫn, thể hiện ý chí tự nguyện, có 02 người là ông Nguyễn Duy N và ông Nguyễn Chí C được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ chứng thực, được văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận vào trang biên động. Thời điểm bà Nội chị chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Chí C đã hết thời hiệu chia thừa kế theo Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, việc mua bán giữa bà L2 với ông C không cần sự đồng ý bằng văn bản hoặc chữ ký của bà X, bà L1; việc chuyển nhượng là đúng pháp luật. Chị không đồng ý diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông C liên quan trong vụ án này. Nay, chị đồng ý tuyên bố một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị L2, Lương Như H1, Lương Thị Mỹ H2 cho chị bị vô hiệu đối với phần di sản của cụ Lương Văn G; chị yêu cầu công nhận phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cụ L2 được quyền định đoạt đã tặng cho chị có hiệu lực pháp luật. Chị yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nội chị là cụ Lương Văn G cho các đồng thừa kế thành 05 kỹ phần bằng hiện vật trong đó có 01 kỹ phần công sức đổ đất nâng nền, giữ gìn di sản cho bà Nội chị; chị thống nhất chia di sản cho bà Lương Thị X, Lương Thị L1 nhận kỹ phần sát với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông T2. Chị đồng ý nhận toàn bộ kỹ phần bằng hiện vật được chia cho bà Nội chị, mẹ và các em của chị. Chị tự nguyện chịu chi phí tổ tụng trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng. Chị đồng ý việc nguyên đơn hỗ trợ cho bà L2 tiền tháo dỡ phần mái hiên của nhà tạm 3.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 25/03/2019, biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Lương Thị L2 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ có nguồn gốc của ông bà lưu hạ lại cho vợ chồng cụ Lương Văn G và bà. Vợ chồng bà sử dụng xây dựng nhà ở từ năm 1960; vợ chồng bà có 03 người con là Lương Tấn H (chết năm 2014), Lương Thị X và Lương Thị L1. Năm 1979, cụ Giáp chết không để lại di chúc; sau khi cụ G chết bà quản lý, sử dụng, tôn tạo thửa đất này. Đến năm 2006, bà chuyển nhượng một

phần diện tích đất về phía Tây thửa đất có diện tích 132,6m² cho ông Nguyễn Chí C để lấy tiền sửa nhà; diện tích đất còn lại của thửa đất là 529,8m². Đến ngày 25/11/2008, ông C chuyển nhượng lại diện tích đất cho ông Nguyễn Tăng T2, ông T2 làm nhà ở cho đến nay. Đến năm 2017, bà đăng ký kê khai để được cấp đổi quyền sử dụng đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12. Toàn bộ diện tích đất là đất cấp theo đa dạng hóa nông thôn. Ngày 26/03/2018 bà và các cháu nội của bà thống nhất lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Lương Nữ Huỳnh A toàn bộ thửa đất. Nay, con của bà là bà X, bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu phần di sản của cụ G và chia thừa kế bà đồng ý. Bà yêu cầu công nhận phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà được quyền định đoạt đã tặng cho Lương Nữ Huỳnh A có hiệu lực pháp luật. Bà yêu cầu chia di sản của cụ G hiện còn lại thành 05 phần bằng nhau, bà yêu cầu được nhận 02 kỷ phần bằng hiện vật trong đó có 01 kỷ phần là công sức tôn tạo, giữ gìn di sản. Từ khi cụ G mất bà là người giữ gìn, tôn tạo đồ đất nâng nền xây dựng tường rào cổng ngõ làm tăng giá trị của đất. Bà tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần bà được chia cho cháu bà là Lương Nữ Huỳnh A quản lý, sử dụng. Sinh thời cụ G không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nào. Bà đồng ý nhận số tiền 3.000.000 đồng mà bà X, bà L1 hỗ trợ tháo dỡ phần mái hiên của nhà tạm để giao kỷ phần cho bà X, bà L1.

Tại bản tự khai ngày 25/03/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: Bà thống nhất với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 như bà L2 trình bày. Bà đồng ý tuyên bố một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lương Thị L2, Lương Như H1, Lương Thị Mỹ H2 cho Lương Nữ Quỳnh A vô hiệu đối với phần di sản của cụ Lương Văn G; bà yêu cầu công nhận phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà L2 được quyền định đoạt đã tặng cho chị A có hiệu lực pháp luật. Bà đồng ý chia thừa kế của cụ G thành 05 phần, trong đó bà L2 được chia công tôn tạo, giữ gìn di sản tương đương 01 kỷ phần. Bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của chồng bà ông Lương Tấn H bằng hiện vật. Phần thừa kế được chia bà thống nhất giao cho Lương Nữ Huỳnh A quản lý, sử dụng. Bà đồng ý tháo dỡ phần phần mái hiên của nhà tạm để giao kỷ phần cho bà X, bà L1 và đồng ý để bà L2 nhận số tiền 3.000.000 đồng mà bà X, bà L1 hỗ trợ tháo dỡ.

Tại bản tự khai ngày 25/03/2019, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Như H1, chị Lương Thị Mỹ H2 đều trình bày: Các chị thống nhất với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 như bà L2, chị A trình bày. Các chị đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Các chị yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của cha là ông Nguyễn Tấn

H bằng hiện vật. Phần thừa kế được chia cho các chị thống nhất giao cho chị Lương Nữ Huỳnh A quản lý, sử dụng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C trình bày: Năm 2006, ông có nhận chuyển nhượng 01 phần diện tích đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, tổ dân phố 4, thị trấn Đức Phổ từ cụ Lương Thị L2 và con trai Lương Tấn H với diện tích là 132,6m². Đến năm 2008, ông chuyển nhượng lại diện tích đất này cho anh Nguyễn Tăng T2 và chị Võ Thị M. Việc chuyển nhượng đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, ngay tình và đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai theo đúng quy định. Anh T2, chị M đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2008 cho đến nay. Năm 2018, bà L2 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho cháu nội Lương Nữ Huỳnh A toàn bộ diện tích đất còn lại 529,8m² tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12. Khi lập Hợp đồng tặng cho tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ có sự chứng kiến của ông và ông Nguyễn Duy N. Lúc này cụ Lương hoàn toàn minh mẫn và điếm chỉ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Tại văn bản số 104/UBND, ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ trình bày: Ngày 26/03/2018, UBND thị trấn Đ có tiếp nhận hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất của hộ bà Lương Thị L2, bà Lương Thị Mỹ H2 ký tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, diện tích 529,8m², thị trấn Đ cho Lương Nữ Huỳnh A dưới sự chứng kiến của 02 người làm chứng là ông Nguyễn Duy N và ông Nguyễn Chí C. Qua thẩm tra hồ sơ, UBND thị trấn Đ xác định hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất đủ điều kiện giao dịch và chứng thực. Khi giao dịch tài sản không có ai tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án, không thể chấp cho bất kỳ cơ quan, tổ chức nào, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thể hiện được ý chí và sự tự nguyện của mình khi tham gia giao dịch, có 02 người làm chứng chứng kiến việc giao dịch và cùng ký tên, điếm chỉ vào hợp đồng tặng cho. Vì vậy, UBND thị trấn Đ khẳng định việc chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 giữa hộ bà Lương Thị L2 tại Hợp đồng số 69, quyển số 01/2018-SCT/HĐ, GD, ngày 26/03/2018 là đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính Phủ. Chủ tịch UBND thị trấn Đ đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/6/2019 anh Nguyễn Tăng T2, chị Võ Thị M và các con của anh chị là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh, chị xác định anh chị nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Chí C đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đức Phổ với diện tích 132,6m² và làm nhà ở từ đó cho đến nay; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh, chị với ông

C là ngay tình. Do đó, anh chị không xâm phạm đến quyền và lợi ích của bất kỳ ai. Anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh, chị và các con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X, bà L1 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Thị L2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của bà L2 theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, công khai chứng cứ; lập biên bản không tiến hành hòa giải được là đúng quy định. Tuy nhiên, hồ sơ không có thông báo nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chưa đầy đủ. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị A, bà L2, bà N, chị H1, chị H2 chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất số 69, quyền số 01/2018-SCT/HĐ, GD, ngày 26/03/2018 bị vô hiệu. Xác định tài sản chung của cụ G và bà L2 529,8m². Bà Lương Thị L2 được nhận ½ thừa đất số 50, tờ bản đồ số 12 thị trấn Đ, có diện tích 264,9m². Chia di sản của cụ G có diện tích 264,9m² cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất của của cụ G gồm: Bà Lương Thị L2, ông Lương Tấn H, bà Lương Thị L1 và bà Lương Thị X mỗi người nhận 01 kỷ phần, nhưng xét phần công sức bồi tước tôn tạo, giữ gìn của cụ Lương Thị L2 bằng giá trị. Phần di sản của ông Lương Tấn H được hưởng của cụ G, những người được hưởng di sản của ông H theo pháp luật như mẹ, vợ và các con của ông Hùng như bà L2, bà N, chị A, chị H1, chị H2 thống nhất giao toàn bộ di sản được nhận cho chị A quản lý, sử dụng nên đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lương Thị X, Lương Thị L1 khởi kiện “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và chia thừa kế tài sản” với chị Lương Nữ Huỳnh A và tài sản tranh chấp tại t4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C, anh Nguyễn Tăng T2 và chị Võ Thị M, chị Lương Thị Mỹ H2, Chủ tịch UBND thị trấn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về quyền khởi kiện chia thừa kế tài sản: Người để lại di sản là cụ Lương Văn G chết năm 1979 không để lại di chúc; theo quy định tại Điều 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Nguồn gốc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 thị trấn Đức Phổ diện tích 662,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu số 02602.QSDĐ/1633/QĐ-UB(H), do Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ cấp ngày 15/11/2004 và cấp đổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 432035, số vào sổ cấp GCN: CS. 04354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi Phổ cấp cho hộ cụ Lương Thị L2 ngày 19/9/2017 diện tích 529,8m²; là do ông bà lưu hạ cho cụ Lương Văn G và bà Lương Thị L2. Thửa đất số 50 tờ bản đồ số 12 được cấp theo đa dạng hóa nông thôn. Vì vậy, thửa đất này là tài sản chung của cụ G và bà L2 chưa chia. Bà X, bà L1 yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2.2] Do thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 nêu trên là tài sản chung của cụ Lương Văn Giáp và cụ Lương Thị L2, giữa cụ G và cụ L2 không có thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Vì vậy, tài sản chung của hai cụ G và bà L2 chia đôi cho cụ L2 thửa đất nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[2.3] Xét ý kiến của các bên đương sự đối với diện tích đất vào năm 2006 cụ Lương Thị L2 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Chí C một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đức Phổ với diện tích đo đạc thực tế 124,32m². Hội đồng xét xử thấy rằng: thời điểm chuyển nhượng phần di sản của cụ Giáp tuy hết thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Lương Văn G 10 năm theo Bộ luật dân sự năm 2005, thì đương nhiên phần di sản chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế chưa chia, việc định đoạt tài sản này phải được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Tuy

nhiên, việc bà L2 chuyển nhượng cho ông C phần diện tích đất đo đạc thực tế 124,32m² là bà tự định đoạt ½ tài sản chung của bà L2 trong khối tài sản chung với cụ G. Nên phần diện tích bà L2 đã chuyển nhượng cho ông C được trừ vào diện tích cụ L2 được chia.

[2.4] Xét về quyền thừa kế đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc thực tế 647,83m² thị trấn Đ, huyện Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các đồng thừa kế đều thừa nhận cụ G chết năm 1979 không để lại di chúc. Sinh thời cụ Giáp và bà L2 có 03 người con là Lương Tấn H, Lương Thị L1 và Lương Thị X ngoài ra không có người con nào khác kể cả con nuôi. Như vậy vợ và các con của cụ G là người được hưởng di sản thừa kế của cụ G. Ông Lương Tấn H chết năm 2014 không để lại di chúc phần di sản của ông Hùng do hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: mẹ là bà Lương Thị L2, vợ Trần Thị N và các con là Lương Thị H1, Lương Nữ Huỳnh A và Lương Thị Mỹ H2 nhận là phù hợp với quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.5] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2019 do Tòa án thành lập thì thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ có diện tích đo đạc thực tế 523,52m², diện tích giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất có các giới: Cạnh phía Đông giáp đường đi; cạnh phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị X; cạnh phía Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T; cạnh phía Bắc giáp đường đi liên xã. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 có diện tích 124,45m²; mô tả: mái lợp tôn, tường xây gạch, vách tô vữa, nền lát gạch men; nhà xây dựng năm 2007; 01 nhà tạm, mái lợp tôn, tường xây gạch, móng đá chẻ; cây trên đất 01 cây Chanh cho quả, 04 cây Sanh; mái hiên nhà phía Đông tôn proximăng, xà gồ gỗ, trụ bê tông; phía Bắc mái lợp tôn proximăng, xà gồ sắt; sân bê tông xi măng; các đương sự đều không có tranh chấp ngôi nhà cấp 4 và các tài sản có trên đất.

[2.6] Theo Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp ngày 18/4/2019 giữa các đương sự thống nhất giá đất ở và đất trồng cây hàng năm khác là 450.000 đồng/m²

[2.7] Xét yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu phần di sản của cụ G, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 26/03/2018, UBND thị trấn Đ chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của hộ cụ Lương Thị L2, chị Lương Thị Mỹ H2, Lương Như H1 ký tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, diện tích 529,8m², thị trấn Đ cho Lương Nữ Huỳnh A tại Hợp đồng số 69, quyền số I/2018-SCT/HĐ,GD, ngày 26/03/2018; thì bà L2 tự nguyện, minh mẫn áp chỉ có sự chứng kiến của 02 người làm chứng trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ. Tuy nhiên, bà L2 tặng cho toàn bộ thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12; trong đó có phần di sản của cụ G chưa chia khi không có ý kiến và sự

đồng ý bằng văn bản của các đồng thừa kế là bà Lương Thị X, bà Lương Thị L1 là trái quy định tại Điều 218 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa các đồng thừa kế đều thống nhất tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu đối với phần di sản của cụ G là diện tích đất có vị trí nằm về phía Tây thửa đất số 50; công nhận phần Hợp đồng bà L2 tặng cho phần tài sản chung của bà L2 được nhận trong khối tài sản chung với cụ G vẫn có hiệu lực. Như vậy, các đồng thừa kế đã xác định được vị trí phần di sản của cụ G bị vô hiệu và phần tài sản của cụ L được quyền định đoạt tặng cho chị A có hiệu lực. Nên yêu cầu của các đương sự là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 130 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên bị vô hiệu phần di sản của cụ G về phía Tây thửa đất có diện tích 323,92m² (Ký hiệu từ A3,A3,A4).

[2.8] Xét yêu cầu giải quyết hậu quả của phần Hợp đồng bị vô hiệu và chia thừa kế Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đều thống nhất phần di sản khi vô hiệu không có gây thiệt hại, không có lỗi nên không yêu cầu bồi thường; các đồng thừa kế yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ Lương Văn G, nhưng không thống nhất kỹ phần di sản được chia.

[2.9] Xét yêu cầu được nhận phần bồi tức (đổ đất nâng nền, xây dựng tường rào), giữ gìn di sản tương đương 01 kỷ phần của cụ Lương Thị L2, Hội đồng xét xử thấy rằng: các đương sự đều thừa nhận, sau khi cụ G chết, cụ L2 là người trực tiếp quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản như đổ đất nâng nền, xây dựng tường rào cổng ngõ làm tăng giá trị quyền sử dụng đất nên yêu cầu của cụ L2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[2.10] Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự công nhận phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 69, quyền số I/2018-SCT/HĐ,GD, ngày 26/03/2018 có hiệu lực pháp luật của thửa đất số 50 có diện tích là 199,60m² (ký hiệu A1) trên đất có ngôi nhà cấp 4 có diện tích 124,45m², có các giới cận: Cạnh phía Đông giáp đường đi có số đo 30,90m; cạnh phía Tây giáp thửa (Ký hiệu A2) có số đo 29,58m; cạnh phía Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T có số đo 6,52m và cạnh phía Bắc giáp đường đi có các số đo lần lượt là 1,34m; 1,44m và 4,12m.

[2.11] Chia di sản thừa kế: Theo đó phần di sản của cụ Giáp có diện tích 323,92m² sẽ được chia làm 05 kỷ phần mỗi kỷ phần là 64,78m².

Chia cho bà Lương Thị L1, Lương Thị X được nhận kỷ 02 kỷ phần có diện tích là 129,50m², có giá trị là 58.275.000 đồng; trong đó có 50m² đất ở, 79,50m² trồng cây hàng năm khác (Ký hiệu A4) có các giới cận: Đông giáp phần đất (Ký hiệu A3) của thửa số 50, tờ bản đồ số 12 có số đo 25,35m; Tây giáp nhà ông Nguyễn Tăng T2 có số đo 22,54; Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T có số đo 5,71m

và Bắc giáp đường đi liên xã có số đo 5,50m. Bà X, bà L1 được sở hữu 01 cây Chanh.

Chia cho bà L2, bà N, chị A, chị H1, chị H2 01 kỷ phần di sản ông Lương Tấn H được chia có 64,92m² (Ký hiệu A3), có giá trị 29.214.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có các giới cận: Cạnh phía Đông giáp thửa đất (Ký hiệu A2) có số đo 26,48m; cạnh phía Tây giáp thửa đất (Ký hiệu A4) có số đo 25,35m; cạnh phía Nam giáp nhà thờ Nguyễn T có số đo 1,0m và cạnh phía Bắc giáp đường đi có số đo 4,14m. Hàng thừa kế của ông H tự thỏa thuận chia kỷ phần này, không yêu cầu Tòa phân chia.

Chia cho bà Lương Thị L2 được nhận 02 kỷ phần có diện tích là 129,50m² (Ký hiệu A2) có giá trị là 58.275.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có các giới cận: Cạnh phía Đông giáp phần đất (Ký hiệu A1) có số đo 29,58m; Tây giáp thửa (Ký hiệu A3) có số đo 26,48m; Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T có số đo 1,0m và Bắc giáp đường đi liên xã có số đo 8,86m.

[2.12] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị L2, bà Trần Thị N, chị Lương Như H1, chị Lương Thị Mỹ H2 về việc giao toàn bộ kỷ phần được hưởng cho chị Lương Nữ Huỳnh A. Chị A được nhận 03 kỷ phần có diện tích 194,42m² (Ký hiệu A2, A3) có giá trị 87.489.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có các giới cận: Cạnh phía Đông giáp đường đi; cạnh phía Tây giáp đất chia cho bà L1, bà X (Ký hiệu A4); cạnh phía Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T; cạnh phía Bắc giáp đường đi liên xã.

[2.13] Buộc bà Lương Thị L2 có trách nhiệm dỡ dọn một phần mái hiên của nhà tạm có diện tích 2,54m², có các số đo: cạnh Đông 3,29m, cạnh Tây 3,05m, cạnh Bắc 0,22m, cạnh Nam 1,44m; mô tả: mái lợp tôn, xà gỗ gỗ, trụ bê tông và tháo dỡ đoạn tường rào trụ bê tông lưới B40 phía Bắc có chiều dài 5,50m trên thửa đất (Ký hiệu A4) để giao kỷ phần cho bà X, bà L1.

[2.14] Các đương sự không có tranh chấp gì đối với ngôi nhà cấp 4, nhà tạm xây dựng trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 (Ký hiệu A1,A2,A3); cây trên đất thuộc phần của ai được chia thì người đó được sở hữu. Các đương sự không tranh chấp phần diện tích đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tăng T2, bà Võ Thị M. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.15] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị X, bà Lương Thị L1 hỗ trợ cho bà Lương Thị L2 chi phí dỡ dọn phần mái hiên của nhà tạm và đoạn tường rào lưới B40 phía Bắc thửa đất (Ký hiệu A4) số tiền 3.000.000 đồng.

[2.16] Về nghĩa vụ của cụ G để lại: Các bên đương sự đều xác định thời điểm thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cụ Giáp không có bất kỳ nghĩa vụ phải thanh

toán nào. Trường hợp sau này phát sinh nghĩa vụ có yêu cầu thì những người thừa kế cùng phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà X, bà L1 đã nộp tạm ứng số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc số tiền 12.000.000 đồng đã tất toán xong. Bà X, bà L1 yêu cầu chị A hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng, chị A đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện chị A hoàn trả cho bà X, bà L1 số tiền 6.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà Lương Thị X, bà Lương Thị L1 mỗi người phải chịu $(58.275.000 \text{ đồng} \times 5\%) : 2 = 1.457.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm về di sản được nhận. Chị Lương Nữ Huỳnh A tự nguyện chịu $29.214.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.460.000 \text{ đồng}$ án phí phần di sản các đồng thừa kế của ông Lương Tấn H được nhận và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng; tổng cộng 1.760.000 đồng.

Bà Lương Thị L2 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp một phần đối với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29, khoản 1, 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 130, 131, 132, 207, 213, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị X, Lương Thị L1.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ chứng thực số 69, quyền số I/2018-SCT/HĐ,GD, ngày 26/03/2018 bị vô hiệu phần di sản của cụ Lương Văn G có diện tích 323,92m² (Ký hiệu từ A3,A3,A4) thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 432035, số vào sổ cấp GCN: CS. 04354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi Phổ cấp cho hộ cụ Lương Thị L2 ngày

19/9/2017 diện tích 529,8m² được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh huyện Đ đăng ký biến động ngày 11/4/2018.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự công nhận phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật của thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12 có diện tích là 199,60m² (Ký hiệu A1) thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi trên đất có ngôi nhà cấp 4 có diện tích 124,45m², có các giới cận: Cạnh phía Đông giáp đường đi có số đo 30,90m; cạnh phía Tây giáp thửa A2 có số đo 29,58m; cạnh phía Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T có số đo 6,52m và cạnh phía Bắc giáp đường đi có các số đo lần lượt là 1,34m; 1,44m và 4,12m.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Lương Văn G được chia theo pháp luật là 323,92m² thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Lương Văn G gồm các ông, bà Lương Thị L2, Lương Tấn H, Lương Thị X và Lương Thị L1.

5. Di sản của cụ G được chia làm 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 64,92m² đất, trị giá 29.214.000 đồng.

6. Giao phần đất có diện tích là 129,50m² trong đó có 50m² đất ở, 79,50m² trồng cây hàng năm khác (Ký hiệu A4) thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có các giới cận: cạnh phía Đông giáp phần đất (ký hiệu A3) của thửa số 50, tờ bản đồ số 12 có số đo 25,35m; cạnh phía Tây giáp nhà ông Nguyễn Tăng T2 có số đo 22,54m; cạnh phía Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T có số đo 5,71m và cạnh phía Bắc giáp đường đi liên xã có số đo 5,50m cho bà Lương Thị L1 và Lương Thị X quản lý, sử dụng. Bà X, bà L1 được sở hữu có 01 cây Chanh trên đất.

7. Giao phần đất có diện tích 194,42m² (Ký hiệu A2, A3) thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có các giới cận: Cạnh phía Đông thửa đất (Ký hiệu A1) có số đo 29,58m; cạnh phía Tây giáp thửa đất (Ký hiệu A4) có số đo 25,35m; cạnh phía Nam giáp nhà thờ họ Nguyễn T có số đo 2,0m; cạnh phía Bắc giáp đường đi liên xã có số đo lần lượt là 8,86m và 4,14m cho chị Lương Nữ Huỳnh A quản lý, sử dụng. Chị A được quyền sở hữu nhà tạm và các cây Sanh trên thửa đất (Ký hiệu A3, A4).

8. Buộc bà Lương Thị L2 có trách nhiệm dỡ dọn một phần mái hiên của nhà tạm trên thửa đất (Ký hiệu A4) có diện tích 2,54m² có các số đo: cạnh phía Đông 3,29m, cạnh phía Tây 3,05m, cạnh Bắc 0.22m, cạnh Nam 1,44m; mô tả: mái lợp tôn, xà gồ gỗ, trụ bê tông và tháo dỡ đoạn tường rào trụ bê tông lưới B40 phía Bắc có chiều dài 5,50m để giao kỷ phần (Ký hiệu A4) cho bà X, bà L1.

(Có bản vẽ tách thửa đất 50 kèm theo là phần không thể tách rời của bản án)

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị X, bà Lương Thị L1 hỗ trợ cho bà Lương Thị L2 chi phí dỡ dọn phần mái hiên của nhà tạm và đoạn tường rào trụ bê tông lưới B40 phía Bắc thửa đất (Ký hiệu A4) số tiền 3.000.000 đồng.

10. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lương Nữ Huỳnh A hoàn trả cho bà Lương Thị X và bà Lương Thị L1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc số tiền 6.000.000 đồng.

11. Về án phí: Bà Lương Thị X, bà Lương Thị L1 mỗi người phải chịu 1.457.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp 2.070.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/004818 ngày 18/02/2019 và số tiền tạm ứng án phí bà L1 đã nộp 2.070.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/004819 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ. Bà X, bà L1 mỗi người được nhận lại 613.000 đồng.

Chị Lương Nữ Huỳnh A tự nguyện chịu 1.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị L2 được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

12. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang

